

Mặt chủ quan của tội phạm với tư cách là một yếu tố cấu thành tội phạm : Luận văn ThS. Luật: 60 38 40 / Vũ Thùy Lân ; Nghd. : TS. Đỗ Đức Hồng Hà

MỤC LỤC

	Tr.
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các từ viết tắt	1
Danh mục các bảng	2
Danh mục các đồ thị	3
MỞ ĐẦU	4
Chương 1: LÝ LUẬN VỀ MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM	7
1.1. Khái niệm cấu thành tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm	7
1.2. Các dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm	14
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM	36
2.1. Thực tiễn áp dụng các quy định về lỗi	36
2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về động cơ, mục đích phạm tội	48
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM	73

3.1. Phương hướng hoàn thiện các quy định về lỗi	73
3.2. Phương hướng hoàn thiện các quy định về động cơ, mục đích phạm tội	88
KẾT LUẬN	100
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	102

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Luật hình sự là một trong những ngành luật ra đời sớm nhất trong hệ thống pháp luật thế giới nói chung và pháp luật Việt Nam nói riêng. Ngay từ khi Nhà nước ta mới được thành lập cho đến nay, luật hình sự vẫn luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và nhân dân bởi pháp luật hình sự là một trong những công cụ quan trọng và hữu hiệu để đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội; đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Để luật hình sự ngày càng thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình, việc hoàn thiện Bộ luật hình sự là một đòi hỏi tất yếu khách quan.

Bộ luật hình sự Việt Nam tuy đã có những bước phát triển vượt bậc, nhưng do sự thay đổi nhanh chóng của kinh tế - xã hội, sự hội nhập quốc tế mạnh mẽ, đòi hỏi gắt gao của cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền nên không tránh khỏi những bất cập, hạn chế, thiếu sót cần sớm được hoàn thiện. Một trong những bất cập, hạn chế, thiếu sót đó chính là các quy định về mặt chủ quan của tội phạm, mà cụ thể là còn thiếu quy định hoặc quy định chưa rõ về: khái niệm lỗi, động cơ, mục đích phạm tội; khái niệm lỗi cố ý, vô ý; dấu hiệu lỗi trong CTTTP của Bộ luật hình sự... Điều này dẫn đến hiểu sai, hiểu không thống nhất về lỗi, động cơ và mục đích phạm tội; áp dụng sai hoặc không thống nhất tội danh; bỏ lọt tội phạm hoặc xử oan người vô tội...

Xuất phát từ những lý do như đã nêu trên, tôi đã chọn đề tài **“Mặt chủ quan của tội phạm với tư cách là một yếu tố cấu thành tội phạm”** với mong muốn góp phần hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam, nhằm đáp ứng tốt hơn đòi hỏi của thực tiễn.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là mặt chủ quan của tội phạm với tư cách là một yếu tố cấu thành tội phạm.

- Phạm vi nghiên cứu là các quy định về mặt chủ quan của tội phạm trong Bộ luật hình sự năm 1999 dưới góc độ luật hình sự, cả lý luận và thực tiễn áp dụng ở Việt Nam, giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2009.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu đề tài nhằm tìm ra những điểm bất cập, chưa hợp lý trong các quy định về mặt chủ quan của tội phạm, trên cơ sở đó đưa ra những đề xuất thiết thực nhằm hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về mặt chủ quan của tội phạm.

- Nhiệm vụ nghiên cứu: 1) Đưa ra được khái niệm cấu thành tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm; khái niệm lỗi, động cơ và mục đích phạm tội; vị trí, vai trò, ý nghĩa của mặt chủ quan trong 4 yếu tố cấu thành tội phạm, trong việc định tội danh cũng như trong việc phân biệt tội phạm với vi phạm pháp luật khác. 2) Làm rõ thực tiễn áp dụng các quy định về lỗi, động cơ và mục đích phạm tội; đặc biệt là chỉ ra được những bất cập, hạn chế, thiếu sót trong các quy định về mặt chủ quan của tội phạm - nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hiểu sai, hiểu không thống nhất về lỗi, động cơ và mục đích phạm tội; áp dụng sai hoặc không thống nhất tội danh; bỏ lọt tội phạm hoặc xử oan người vô tội... 3) Đưa ra được những giải pháp sát đúng, khả thi nhằm hoàn thiện các quy định về mặt chủ quan của tội phạm, mà cụ thể là các quy định về lỗi, động cơ và mục đích phạm tội.

4. Phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của Luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước và pháp luật, về tội phạm và hình phạt; những thành tựu của các ngành khoa học như: Triết học, Luật hình sự, Tội phạm học...

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, Luận văn đặc biệt coi trọng các phương pháp hệ thống, lịch sử, phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, khảo sát thực tiễn, điều tra xã hội học... qua đó rút ra những kết luận, đề xuất phù hợp nhằm hoàn thiện các quy định về mặt chủ quan của tội phạm.

5. Kết cấu của luận văn

Luận văn gồm phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục và 3 chương:

Chương 1: Lý luận về mặt chủ quan của tội phạm.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng các quy định về mặt chủ quan của tội phạm.

Chương 3: Phương hướng hoàn thiện các quy định về mặt chủ quan của tội phạm.

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM

1.1. KHÁI NIỆM CẤU THÀNH TỘI PHẠM VÀ MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM

1.1.1. Khái niệm cấu thành tội phạm

Cấu thành tội phạm là khái niệm được xuất hiện đầu tiên vào thế kỷ XVI ở Châu Âu và sau này ngày càng được phát triển sâu rộng về cả mặt lý luận và thực tiễn áp dụng vào pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới. Cấu thành tội phạm là một trong những vấn đề vô cùng quan trọng của luật hình sự và là vấn đề lý luận có ý nghĩa trong thực hiện lập pháp và áp dụng pháp luật hình sự. Về mặt cấu trúc, tội phạm được hợp thành bởi những yếu tố nhất định tồn tại không tách rời nhau nhưng có thể phân chia được trong tư duy. Những yếu tố đó là mặt khách quan của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm, khách thể của tội phạm và chủ thể của tội phạm. Bất cứ hành vi phạm tội nào, không phụ thuộc vào mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội đều là một thể thống nhất giữa mặt khách quan và mặt chủ quan, giữa biểu hiện bên ngoài và biểu hiện tâm lý bên trong, tất cả đều là hoạt động của con người cụ thể xâm hại hoặc nhằm xâm hại quan hệ xã hội nhất định. Sự thống nhất của bốn yếu tố này là hình thức cấu trúc thể hiện nội dung chính trị, xã hội của tội phạm. Cấu thành tội phạm là khái niệm pháp lý về hình thức cấu trúc và phản ánh tính nguy hiểm cho xã hội của một loại tội phạm, cấu thành tội phạm trong luật hình sự được coi là cơ sở pháp lý và sự thỏa mãn cấu thành tội phạm là điều kiện cần và đủ của trách nhiệm hình sự. *Cấu thành tội phạm là tổng hợp các dấu hiệu pháp lý có tính chất đặc trưng cho loại tội phạm nhất định được quy định trong cả phần chung và phần riêng của Bộ luật hình sự thể hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội.*

1.1.2. Khái niệm mặt chủ quan của tội phạm

Hành vi của con người bao giờ cũng là sự thống nhất giữa những biểu hiện cụ thể bên ngoài thể giới khách quan và những nội dung tâm lý bên trong. Mặt chủ quan là những hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội. Hoạt động tâm lý bên trong của tội phạm luôn gắn liền với các biểu hiện bên ngoài của của tội phạm. Hành vi nguy hiểm cho xã hội chỉ được coi là tội phạm nếu hành vi đó được thực hiện trong một thái độ tâm lý nhất định của con người đối với hành vi đó và hậu quả do hành vi đó gây ra hay đối với khả năng phát sinh hậu quả từ hành vi đó. Vì vậy nếu thiếu mặt chủ quan của tội phạm hành vi sẽ không cấu thành tội phạm. Hành vi vi phạm pháp luật dù được thể hiện gây ra thiệt hại nhưng không có sự thống nhất với mặt chủ quan của người gây thiệt hại sẽ không phải gánh chịu trách nhiệm pháp lý nói chung và trách nhiệm hình sự nói riêng. Mặt chủ quan của tội phạm được biểu hiện thông qua ba yếu tố: lỗi, động cơ phạm tội, mục đích phạm tội. Trong đó yếu tố lỗi được phản ánh trong tất cả các cấu thành tội phạm và là dấu hiệu không thể thiếu bất cứ cấu thành tội phạm nào. Động cơ và mục đích phạm tội chỉ được phản ánh trong một số cấu thành tội phạm cơ bản là dấu hiệu bắt buộc và được quy định là tình tiết định khung ở một số cấu thành tội phạm.

Từ các phân tích trên đây ta có thể đưa ra khái niệm *mặt chủ quan của tội phạm là đặc điểm tâm lý bên trong của người phạm tội đã có cách lựa chọn xử sự là thực hiện hành vi xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ dưới hai hình thức lỗi cố ý và lỗi vô ý*

Lỗi là thái độ tâm lý bên trong của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi đó gây ra và được thể hiện dưới hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý.

Động cơ phạm tội là động lực (nhân tố) bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội.

Mục đích phạm tội là cái mốc (kết quả cuối cùng) mà người phạm tội muốn đạt được khi thực hiện tội phạm.

1.2. CÁC DẤU HIỆU THUỘC MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM

1.2.1. Dấu hiệu lỗi

a. Khái niệm lỗi

Lỗi là một khái niệm được biết đến và được sử dụng rất nhiều trong khoa học luật Hình sự. Trong luật hình sự Việt Nam nguyên tắc lỗi là nguyên tắc cơ bản, một người phải chịu trách nhiệm hình sự không chỉ đơn thuần vì họ có hành vi khách quan đã gây ra thiệt hại cho xã hội mà còn vì họ có lỗi trong việc thực hiện hành vi khách quan đó. Một người có hành vi gây thiệt hại cho xã hội sẽ bị coi là có lỗi nếu hành vi đó là kết quả của sự lựa chọn và quyết định của chủ thể trong khi chủ thể có điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn hoặc quyết định một xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Việc thừa nhận nguyên tắc lỗi trong luật hình sự Việt Nam chính là sự thừa nhận và tôn trọng tự do ý chí của con người. Đó là cơ sở đảm bảo cho trách nhiệm hình sự được khách quan và thực hiện được mục đích của việc truy cứu trách nhiệm hình sự. *Lỗi là thái độ tâm lý bên trong của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi đó gây ra và được thể hiện dưới hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý.*

b. Các hình thức lỗi và các dạng lỗi trong luật hình sự

Nội dung cơ bản của lỗi được hợp thành bởi hai yếu tố cơ bản là lý trí và ý chí. Sự kết hợp giữa lý trí và ý chí tạo nên hình thức lỗi khác nhau. Một người phạm tội với lỗi cố ý thể hiện sự chống đối xã hội cao hơn trường hợp lỗi vô ý và do đó hình phạt áp dụng đối với họ sẽ nghiêm khắc hơn.

* Hình thức lỗi cố ý. Trên cơ sở ba căn cứ (tiêu chí) dưới đây hình thức lỗi này được phân chia thành sáu dạng như sau:

- Căn cứ vào các yếu tố lý trí và ý chí của sự cố ý, hình thức lỗi này được PLHS thực định phân chia thành hai dạng: Cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp.

- Căn cứ vào thời điểm xuất hiện và hình thành sự cố ý, hình thức lỗi

này được khoa học luật hình sự phân chia thành hai dạng: Cố ý có sự mưu và cố ý đột xuất

- Căn cứ vào mức độ cụ thể của sự nhận thức (hình dung) được hậu quả nguy hại do hành vi của chủ thể sẽ xảy ra, hình thức lỗi này được khoa học luật hình sự chia thành hai dạng: Cố ý xác định và cố ý không xác định

* Hình thức lỗi vô ý được phân chia thành hai dạng là: Vô ý vì quá tự tin (chủ quan) và vô ý do cầu thả.

* Trường hợp lỗi phức tạp (còn gọi là hỗn hợp lỗi, tức là khi trong cùng một CTTP có hai hình thức lỗi cùng tồn tại song song - lỗi cố ý đối với hành vi và lỗi vô ý đối với hậu quả nghiêm trọng hơn do với hành vi đó gây nên). Tội phạm có hai hình thức lỗi là loại tội phạm trong đó có sự kết hợp đồng thời chứ không pha trộn giữa hai hình thức lỗi. Các hình thức lỗi khác nhau được kết hợp này là các thái độ tâm lý khác nhau của chủ thể với những biểu hiện khác nhau có giá trị pháp lý khác nhau: cố ý với hành vi và hậu quả định tội và vô ý với hậu quả tăng nặng. Hai hình thức lỗi chỉ có thể có trong cấu thành tăng nặng và trong các loại tội này thì lỗi vô ý chỉ có thể có đối với hậu quả đóng vai trò là dấu hiệu định khung tăng nặng của các tội cố ý hoặc vô ý nhưng chỉ có một khung hình phạt hoặc chỉ có cấu thành cơ bản và cấu thành giảm nhẹ thì không có hai hình thức lỗi.

c. Ý nghĩa của dấu hiệu lỗi

1.2.2. Dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội

a. Dấu hiệu động cơ phạm tội

Trong pháp luật hình sự thực định Việt Nam nhà làm luật không ghi nhận khái niệm pháp lý động cơ phạm tội tuy nhiên ta có thể hiểu *động cơ phạm tội là động lực (nhân tố) bên trong thúc đẩy quyết tâm của người phạm tội thực hiện tội phạm (hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm)*. Động cơ phạm tội ở mức độ nhất định nằm trong trạng thái tâm lý của chủ thể nên nó là một dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm được thực hiện

với hình thức lỗi cố ý. Động cơ phạm tội nói chung không có ý nghĩa quyết định đến tính chất nguy hiểm của tội phạm, nó không làm thay đổi bản tính chất của hành vi do vậy động cơ phạm tội không phải là căn cứ để phân biệt giữa tội phạm với không phải tội phạm, giữa tội phạm này với tội phạm khác. Tuy nhiên, trong một số trường hợp động cơ phạm tội có thể làm thay đổi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Trong luật hình sự Việt Nam, động cơ phạm tội nói chung không được phản ánh trong tất cả các cấu thành tội phạm tuy nhiên trong một số trường hợp động cơ phạm tội lại được nhà làm luật ghi nhận trong cấu thành tội phạm với tính chất là dấu hiệu định tội trong cấu thành tội phạm cơ bản hay với tính chất là dấu hiệu định khung hình phạt của cấu thành tội phạm tăng nặng.

b. Dấu hiệu mục đích phạm tội

Trong pháp luật hình sự thực định Việt Nam nhà làm luật không ghi nhận khái niệm pháp lý mục đích phạm tội tuy nhiên ta có thể hiểu *Mục đích phạm tội là cái mốc (kết quả cuối cùng) mà người phạm tội muốn đạt được khi thực hiện tội phạm (hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm)*. Mục đích phạm tội ở mức độ nhất định nằm trong trạng thái tâm lý của chủ thể nên nó là một dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm được thực hiện với hình thức lỗi cố ý nhưng chỉ có thể là lỗi cố ý trực tiếp bởi tất cả người thực hiện hành vi phạm tội đều nhằm tới những mục đích nhất định tuy nhiên chỉ trong trường hợp thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp thì người phạm tội mới mong muốn gây ra tội phạm để đạt được những mục đích nhất định. Trong luật hình sự Việt Nam mục đích nói chung không được phản ánh trong tất cả các cấu thành tội phạm. Tuy nhiên trong một số cấu thành tội phạm cụ thể nhà làm luật đã ghi nhận mục đích phạm tội trong cấu thành tội phạm của các tội đó và mục đích phạm tội trở thành dấu hiệu bắt buộc tức là hành vi chỉ cấu thành tội phạm mà cấu thành thành tội phạm phản ánh khi dấu hiệu mục đích phạm tội thỏa mãn hay mục đích phạm tội được quy định với tư cách là dấu hiệu định khung hình phạt của cấu thành tội phạm tăng nặng.

Trong mặt chủ quan của tội phạm tuy động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc cho tất cả các cấu thành tội phạm nhưng khi dấu hiệu động cơ hoặc mục đích được quy định là dấu hiệu bắt buộc trong một số cấu thành tội phạm cụ thể thì việc xác định đúng động cơ, mục đích phạm tội sẽ giúp định tội danh đúng, xác định đúng khung hình phạt, phân hóa TNHS một cách tối đa và từ đó quyết định hình phạt đúng và chính xác nhất.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Mặt chủ quan của tội phạm với tư cách là một trong bốn yếu tố của cấu thành tội phạm. Nếu thiếu mặt chủ quan của tội phạm sẽ không xác định được một hành vi nguy hiểm cho xã hội có phải là tội phạm hay không? Người thực hiện hành vi ấy có phải chịu TNHS hay không hay chỉ phải chịu các trách nhiệm pháp lý phi hình sự khác. Mặt khác, mặt chủ quan của tội phạm còn có ý nghĩa là dấu hiệu vô cùng quan trọng để phân biệt các cấu thành tội phạm có mặt khách quan giống nhau từ đó sẽ các tội danh khác nhau. Nội dung của mặt chủ quan của tội phạm còn giúp xác định tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm từ đó sẽ giúp xác định trách nhiệm hình sự và hình phạt của người phạm tội một cách chính xác nhất. Các yếu tố thuộc mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi, động cơ phạm tội, mục đích phạm tội sẽ giúp ta thấy được một cách chính xác và rõ nét nhất biểu hiện của mặt chủ quan của tội phạm trong từng tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự. Từ đó sẽ giúp phân biệt một cách rõ nét nhất tính chất và mức độ nguy hiểm của từng loại tội phạm và từ đó đưa ra được những tiền đề để quyết định hình phạt một cách thích đáng và đưa ra được các biện pháp để giáo dục và cải tạo người phạm tội, tìm hiểu được tâm tư nguyện vọng nguồn gốc sâu xa của hành vi mà người phạm tội đã thực hiện để sớm đưa họ về với cộng đồng xã hội giúp họ trở thành người có ích, đồng thời qua đó cũng có phương hướng tuyên truyền và sửa đổi pháp luật sao cho phù hợp với xu thế đang phát triển của xã hội hiện tại.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM

2.1. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ LỖI

2.1.1. Thực tiễn áp dụng các quy định về lỗi trong việc định tội danh

Lỗi là dấu hiệu phải được mô tả trong tất cả các cấu thành tội phạm. Điều đó không phải chỉ xuất phát từ nguyên tắc có lỗi trong luật hình sự mà còn vì nhiều tội phạm khác nhau ở dấu hiệu lỗi trong khi các dấu khác có thể giống nhau. Theo nguyên tắc có lỗi trong luật hình sự bị coi là tội phạm trong trường hợp chủ thể có lỗi khi thực hiện hành vi đó. Tính chất của lỗi có ảnh hưởng quan trọng đến tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Cùng hành vi khách quan nhưng tính chất lỗi khác nhau (cố ý hoặc vô ý) thì hành vi có tính chất nguy hiểm khác nhau và do vậy thuộc những tội danh khác nhau.

Trong thực tiễn xây dựng luật, việc mô tả dấu hiệu lỗi cố ý của cấu thành tội phạm có thể được bỏ qua trong trường hợp bản thân tội danh cũng như hành vi đã chứa đựng nội dung lỗi là cố ý như tội danh giết người, tội danh hiếp dâm hoặc hành vi dùng vũ lực, hành vi chiếm đoạt. Nhưng đối với tội phạm vô ý thì việc mô tả dấu hiệu lỗi trong cấu thành tội phạm là bắt buộc cho mọi trường hợp. Nếu trong cấu thành tội phạm, dấu hiệu lỗi không được mô tả theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội phải hiểu đó chỉ có thể là lỗi cố ý. Điều này cũng phù hợp với nguyên tắc: Trách nhiệm hình sự đối với trường hợp vô ý chỉ có khi luật quy định cụ thể, trực tiếp dấu hiệu lỗi vô ý trong cấu thành tội phạm.

2.1.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về lỗi trong việc phân biệt tội phạm với vi phạm pháp luật khác

Lỗi là một khái niệm chúng ta có thể gặp hàng ngày trong đời sống: Việc mắc lỗi trong công việc; mắc lỗi trong cư xử với những người xung quanh;...mắc lỗi trong các hợp đồng kinh tế, dân sự...; mắc lỗi trong việc vi

phạm pháp luật hành chính, hình sự, dân sự,...Như vậy lỗi là một khái niệm mới nghe tưởng chừng ai cũng biết và cũng hiểu sâu sắc về nó vậy. Nhưng trong VPPL hình sự thì lỗi là một yếu tố vô cùng quan trọng và hiểu sao cho đúng và thấu đáo lỗi của người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội sẽ có thể xác định người đó có lỗi hình sự hay không hay chỉ là lỗi trong các vi phạm pháp luật phi hình sự khác hay đó chỉ là việc mắc lỗi trong các quan hệ xã hội thông thường: Tục lệ, thói quen, ...Như vậy, lỗi có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc xác định tội phạm với vi phạm pháp luật khác.

Trong BLHS nước ta vẫn chưa quy định về dấu hiệu lỗi một cách rõ ràng và thống nhất do vậy dẫn đến rất nhiều trường hợp oan sai trong hình sự. Đã có rất nhiều người bị kết tội oan khi họ không có lỗi hình sự nhưng lại bắt họ phải chịu TNHS ngược lại có rất nhiều người lẽ ra phải chịu TNHS (sự trừng phạt nghiêm khắc hơn của pháp luật) nhưng vì các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án đã không thể xác định được chính xác lỗi của họ hoặc quy định Pháp luật hình sự về tội đó còn quy định quá sơ sài chưa đủ căn cứ để cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án buộc họ phải chịu TNHS và họ đã không phải chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào hoặc chỉ phải chịu trách nhiệm pháp lý phi hình sự (sự trừng phạt ít nghiêm khắc hơn TNHS).

2.2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐỘNG CƠ, MỤC ĐÍCH PHẠM TỘI

2.2.1. Thực tiễn áp dụng các quy định về động cơ, mục đích phạm tội trong việc định tội danh

a. Thực tiễn áp dụng các quy định về động cơ phạm tội trong việc định tội danh

Theo quy định của luật hình sự Việt Nam thì số lượng CTTT có quy định động cơ phạm tội là dấu hiệu định tội trong cấu thành tội phạm là 10 CTTT trong 10 điều luật chiếm tỷ lệ 5% trong tổng số 280 CTTT theo quy định BLHS 1999 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự

năm 2009 và số lượng các CTTP quy định động cơ là dấu hiệu định tội chiếm tỷ lệ 67% so với số lượng các CTTP quy định động cơ là dấu hiệu định khung chiếm tỷ lệ 33% trong tổng số 15 CTTP có quy định dấu hiệu động cơ trong CTTP. Như vậy, tỷ lệ các CTTP quy định dấu hiệu động cơ là dấu hiệu định tội trong luật hình sự Việt Nam như vậy là quá ít vẫn chưa thể hiện tương xứng với mức độ và tầm quan trọng của dấu hiệu động cơ phạm tội trong Pháp luật hình sự. Ngoài ra, việc quy định động cơ phạm tội trong CTTP ở một số tội trong BLHS Việt Nam 1999 vẫn chưa hợp lý dẫn đến tình trạng oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm cần phải được sửa đổi, bổ sung.

b. Thực tiễn áp dụng các quy định về mục đích phạm tội trong việc định tội danh

Theo quy định của luật hình sự Việt Nam thì số lượng CTTP có quy định mục đích phạm tội là dấu hiệu định tội trong cấu thành tội phạm là 55 CTTP chiếm tỷ lệ 20% trong tổng số 280 CTTP theo quy định BLHS 1999 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2009 và số lượng các CTTP quy định động cơ là dấu hiệu định tội chiếm tỷ lệ 67% và số lượng các CTTP quy định động cơ là dấu hiệu định khung chiếm tỷ lệ 33% trong tổng số 55 CTTP có quy định dấu hiệu động cơ trong CTTP. Như vậy tỷ lệ các CTTP quy định dấu hiệu mục đích là dấu hiệu định tội trong luật Hình sự Việt Nam như vậy vẫn chưa thể hiện tương xứng với mức độ và tầm quan trọng của dấu hiệu động cơ phạm tội trong Pháp luật hình sự. Ngoài ra việc quy định mục đích phạm tội trong CTTP ở một số tội trong BLHS Việt Nam 1999 vẫn chưa hợp lý dẫn đến tình trạng oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm cần phải được sửa đổi, bổ sung.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về động cơ, mục đích phạm tội trong việc phân biệt tội phạm với vi phạm pháp luật khác

a. Dấu hiệu động cơ phạm tội được ghi nhận trong 10 cấu thành tội phạm với tính chất là dấu hiệu định tội trong cấu thành tội phạm cơ bản. Nếu

thiếu dấu hiệu động cơ này thì người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội sẽ bị xử lý về tội danh khác hoặc không thỏa mãn CTTT cụ thể nào khác thì không bị coi là tội phạm. Qua thực tiễn nghiên cứu và xét xử ta thấy có rất nhiều quan điểm khác nhau về dấu hiệu động cơ này trong việc định tội danh cũng như quyết định hình phạt. Từ đó dẫn đến sự không thống nhất trong việc áp dụng pháp luật và tạo sự mơ hồ khi áp dụng các QPPL hình sự trong thực tế. Qua đó sẽ kéo theo rất nhiều hệ lụy không tốt như: vin vào sự không thống nhất đó để quyết định hình phạt nhẹ hơn hoặc nặng hơn thực tế mà người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đó phải chịu. Cuộc sống của một đời người sẽ có sự thay đổi rất nhiều lại phụ thuộc quá nhiều vào ý thức đánh giá chủ quan của những người áp dụng pháp luật mà không phải phụ thuộc vào vào các quy định của pháp luật như vậy dễ dẫn đến oan sai hoặc để lọt tội phạm, tạo ra sự không dân chủ, bất bình đẳng trong xã hội.

b. Dấu hiệu mục đích phạm tội được quy định với tư cách là dấu hiệu định tội của 37 cấu thành tội phạm cơ bản theo quy định của BLHS 1999 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2009. Qua thực tiễn nghiên cứu và xét xử ta thấy có rất nhiều quan điểm khác nhau về các dấu hiệu mục đích này trong việc định tội danh cũng như quyết định hình phạt. Từ đó dẫn đến sự không thống nhất trong việc áp dụng pháp luật và tạo sự mơ hồ khi áp dụng các QPPL hình sự trong thực tế. Qua đó sẽ kéo theo rất nhiều hệ lụy không tốt như: vin vào sự không thống nhất đó để quyết định hình phạt nhẹ hơn hoặc nặng hơn thực tế mà người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đó phải chịu. Cuộc sống của một đời người sẽ có sự thay đổi rất nhiều lại phụ thuộc quá nhiều vào ý thức đánh giá chủ quan của những người áp dụng pháp luật mà không phải phụ thuộc vào vào các quy định của pháp luật như vậy dễ dẫn đến oan sai hoặc để lọt tội phạm, tạo ra sự không dân chủ, bất bình đẳng trong xã hội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Lỗi, động cơ mục đích là những dấu hiệu được quy định trong mặt chủ quan của tội phạm. Việc xác định chính xác các dấu hiệu này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định tội phạm cũng như phân biệt giữa các loại tội với nhau. Đó là những dấu hiệu ở trong ý thức, thể hiện thái độ chủ quan của con người nên việc xác định những dấu hiệu này trên thực tế là không dễ dàng. Thực tiễn áp dụng các quy định về mặt chủ quan của tội phạm qua phân tích ở chương 2 này cho thấy quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về vấn đề này tuy đã có sự thể hiện nhất định các yếu tố của mặt chủ quan của tội phạm trong một số CTTTP cụ thể tuy nhiên vẫn còn quy định ở mức độ hạn chế và từ đó dẫn đến thực tiễn nghiên cứu và áp dụng pháp luật gặp nhiều khó khăn và không thống nhất. Rất nhiều vụ án chỉ vì không xác định được đúng tầm quan trọng của các yếu tố của mặt chủ quan của tội phạm: lỗi, động cơ, mục đích nên đã xác định tội danh sai hoặc gây oan sai cho người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm gây nguy hiểm cho xã hội, dẫn đến sự mất lòng tin của người dân vào pháp luật vào nhà nước và cơ quan bảo vệ pháp luật. Do vậy việc khắc phục những sai sót và khiếm khuyết trên là vô cùng cấp bách và cần thiết.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ LỖI

3.1.1. Phương hướng hoàn thiện các quy định về khái niệm lỗi

Trong Bộ luật hình sự năm 1999 cũng như Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2009 chưa có sự ghi nhận về khái niệm pháp lý của khái niệm “lỗi” là gì? cũng như khái niệm “lỗi hình sự” là gì? và “người có lỗi trong tội phạm” là gì?. Hơn thế nữa trong Bộ luật hình sự năm 1999 nhà làm luật cũng không quy định rõ ràng và dứt khoát về khái niệm “lỗi cố ý” (cố ý phạm tội) và “lỗi vô ý” (vô ý phạm tội) mà chỉ quy định “Cố ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp sau đây:...” hay “Vô ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp sau:...”. Việc quy định như trên như một sự liệt kê đơn giản mà chưa đưa ra cho người đọc hiểu được bản chất của lỗi cố ý hay lỗi vô ý và tại sao lại phân thành những trường hợp như vậy.

3.1.2. Phương hướng hoàn thiện các quy định về phân loại lỗi

Trong BLHS 1999 cũng như Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2009 chưa có sự phân loại lỗi cụ thể trong từng CTTT. Qua việc mô tả các dấu hiệu tội phạm trong các CTTT được quy định trong luật hình sự Việt Nam thì những người áp dụng pháp luật cũng như những người nghiên cứu trong nhiều trường hợp không xác định được nhà làm luật đang mô tả lỗi cố ý hay vô ý trong CTTT đó. Do vậy cần có sự nhận diện lỗi cố ý hay lỗi vô ý qua một số nguyên tắc nhất định trong những trường hợp khó xác định được lỗi của người phạm tội.

Nên quy định thêm một nguyên tắc trong luật hình sự Việt Nam đó là Nguyên tắc suy đoán phi tội phạm do lỗi vô ý: “Những hành vi được thực

hiện do lỗi vô ý chỉ bị coi là tội phạm khi điều luật quy định về một cấu thành cụ thể có nói rõ điều đó”. Khi áp dụng nguyên tắc này sẽ tránh được sự liệt kê khó hiểu trong luật hình sự và hơn thế nữa nó cũng thể hiện được quan điểm khoan hồng và nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong việc đấu tranh và phòng chống tội phạm.

Việc đặt tội danh cũng đòi hỏi phải rõ ràng về loại tội cố ý hay vô ý. Đối với những tội danh đa nghĩa về lỗi nhà làm luật cần sửa đổi để thể hiện rõ tội danh đó thuộc tội cố ý hay vô ý. Nhưng cũng cần chú ý phải mô tả lỗi trong cấu thành tội phạm cho phù hợp với tội danh đã xác định.

3.1.3. Phương hướng hoàn thiện các quy định về dấu hiệu lỗi trong cấu thành tội phạm

Luật hình sự Việt Nam quy định về các dấu hiệu trong mặt chủ quan của tội phạm còn bộc lộ nhiều hạn chế cần được nghiên cứu. Việc hoàn thiện Bộ luật hình sự trong việc xây dựng cấu thành tội phạm phải bắt đầu bằng việc mô tả dấu hiệu lỗi trong tất cả các cấu thành tội phạm. Việc mô tả dấu hiệu lỗi trong cấu thành tội phạm là cần thiết để tại ra sự thống nhất giữa ý đồ của nhà làm luật với các thức thể hiện, giữa sự mô tả trong luật với cách hiểu của các cơ quan và cá nhân trong thực tiễn áp dụng cũng như những người nghiên cứu pháp luật. Do vậy, việc mô tả dấu hiệu lỗi trong các CTTP là cần thiết để tạo ra một sự thống nhất trong suy nghĩ và hành động của cả nhà làm luật, người thực thi pháp luật cũng như người nghiên cứu pháp luật.

Trong Bộ luật hình sự còn một số tội danh không thể hiện rõ tính chất của loại tội được phản ánh là tội cố ý hay vô ý. Việc thể hiện rõ tính chất của loại tội được phản ánh (tội cố ý hay tội vô ý) là yêu cầu đầu tiên được đặt ra cho tội danh với ý nghĩa là khái niệm cho một loại hành vi phạm tội.

3.2. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐỘNG CƠ, MỤC ĐÍCH PHẠM TỘI

3.2.1. Phương hướng hoàn thiện các quy định về khái niệm động cơ và mục đích phạm tội

Trong Bộ luật hình sự năm 1999 cũng như Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2009 chưa có sự ghi nhận về khái niệm pháp lý của khái niệm “động cơ phạm tội” là gì? cũng như khái niệm “mục đích phạm tội” là gì? Dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội được ghi nhận trong các CTTP vẫn còn được sử dụng bằng nhiều thuật ngữ khác nhau. Trong các tội có quy định dấu hiệu động cơ phạm tội thì có tội thì ghi rõ là “vì động cơ...” có tội lại ghi “vì vụ lợi...”. Trong các tội có quy định dấu hiệu mục đích phạm tội trong CTTP thì có tội ghi “nhằm mục đích...”, có tội ghi là “để...”, có tội ghi là “nhằm...”, có tội lại ghi là “vì mục đích...”. Như vậy cùng một cách thể hiện dấu hiệu động cơ hoặc mục đích trong CTTP nhưng nhà làm luật đã sử dụng quá nhiều thuật ngữ khác nhau dẫn đến việc khó khăn trong việc xác định các dấu hiệu này và tạo ra sự không thống nhất trong quy định của BLHS. Do vậy, cần thống nhất theo một nguyên tắc đó là khi quy định dấu hiệu động cơ phạm tội và mục đích phạm tội trong CTTP của một điều luật cụ thể nhà làm luật cần thể hiện rõ “vì động cơ...” và “nhằm mục đích...”. Có như vậy mới tạo ra sự thống nhất dễ hiểu và góp phần tạo cho Pháp luật hình sự ngày càng trong sáng hơn về mặt thuật ngữ.

3.2.2. Phương hướng hoàn thiện các quy định về phân loại động cơ và mục đích phạm tội

Trong BLHS 1999 cũng như Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2009 chưa có sự phân loại động cơ phạm tội cũng như mục đích phạm tội. Luật hình sự Việt Nam chưa quy định những loại tội nào thì yêu cầu phải quy định động cơ phạm tội và những loại tội nào thì yêu cầu phải quy định mục đích phạm tội.

Động cơ phạm tội cần phân thành các loại sau và theo đó ứng với các loại tội phạm cụ thể để tạo điều kiện thuận lợi và dễ hiểu cho những người áp dụng cũng như nghiên cứu pháp luật:

- + Động cơ làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi
- + Động cơ là giảm tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi

Mục đích phạm tội cần phân thành các loại sau và theo đó ứng với các loại tội phạm cụ thể để tạo điều kiện thuận lợi và dễ hiểu cho những người áp dụng cũng như nghiên cứu pháp luật:

- + Mục đích chống chính quyền nhân dân – Các tội xâm phạm an ninh quốc gia
- + Mục đích chống lại loài người – Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh
- + Mục đích chiếm đoạt tài sản – Các tội xâm phạm sở hữu
- + Mục đích khác: Thu lời bất chính, xúc phạm người khác, gây hoảng sợ trong công chúng, làm sai kết quả bầu cử...

Như vậy cần thiết phải có sự phân loại các dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội như vậy trong luật hình sự Việt Nam để tạo ra sự thống nhất và dễ hiểu trong việc áp dụng và nghiên cứu pháp luật hình sự.

3.2.3. Phương hướng hoàn thiện các quy định về dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội trong cấu thành tội phạm

*** Động cơ phạm tội**

Nên quy định bỏ một số động cơ là dấu hiệu định tội trong một số tội sau đây để không bỏ lọt tội phạm như: Điều 128 (Tội buộc người lao động, cán bộ, công chức thôi việc trái pháp luật), Điều 167 (Tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế), Điều 142 (Tội sử dụng trái phép tài sản).

Nếu bỏ không quy định dấu hiệu động cơ trên trong ba điều luật Điều 281, Điều 282, Điều 284.

*** Mục đích phạm tội**

+ Đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia cần sửa đổi như sau:

Sửa cụm từ “nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lực lượng quốc phòng, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam” tại khoản 1 Điều 78 - Tội phản bội Tổ quốc thành “nhằm chống chính quyền nhân dân”.

Tất cả các tội xâm phạm an ninh quốc gia cần được sửa lại cho thống nhất theo thứ tự từ chủ thể của tội phạm đến hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm và cuối cùng là mục đích phạm tội.

Nên quy định bỏ dấu hiệu mục đích “nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác” là dấu hiệu định tội trong cấu thành tội phạm cơ bản của Điều 122 BLHS

+ Đối với các tội xâm phạm sở hữu cần sửa đổi như sau: nên sửa đổi để cả tám tội danh của loại tội này đều mô tả mục đích chiếm đoạt tài sản ở ngay tên gọi của tội danh và trong cả cấu thành tội phạm cơ bản.

+ Đối với các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh cần sửa đổi như sau: nên mô tả rõ mục đích nhằm “gây chiến tranh” là dấu hiệu bắt buộc trong các tội này.

Nên sửa cụm từ “nhằm chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ một nước khác” trong Điều 341 - Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược thành “nhằm chống lại nước khác”.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong qua trình nghiên cứu và áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2009 đã đạt được những thành tựu nhất định góp phần đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, Luật hình sự Việt Nam vẫn không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế cần được góp ý để sửa đổi bổ sung để Luật hình sự Việt Nam ngày càng làm tốt hơn nhiệm vụ của mình góp phần tạo sự ổn định an ninh chính trị - xã hội trong đời sống sinh hoạt của nhân dân. Trong phạm vi nghiên cứu luận văn này “Mặt chủ quan của tội phạm với tư cách là một yếu tố cấu thành tội phạm” tác giả đã mạnh dạn đưa ra một số phương hướng để khắc phục những thiếu sót về lỗi, động cơ phạm tội và mục đích phạm tội về khái niệm, phân loại cũng như việc quy định các dấu hiệu này trong CTTTP cụ thể sao cho phù hợp và khoa học hơn, tạo ra sự thống nhất và dễ hiểu trong áp dụng cũng như nghiên cứu pháp luật.

KẾT LUẬN

Trong quá trình phát triển của mình, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn luôn qua tâm đến vấn đề hoàn thiện hệ thống pháp luật để tạo ra một hành lang pháp lý thông thoáng phù hợp với nhu cầu mở cửa kinh tế thị trường. Đảng và Nhà nước Việt Nam coi đây là nhiệm vụ trọng tâm cấp thiết cần phải làm của mình. Vấn đề về cải cách, sửa đổi Pháp luật hình sự sao cho phù hợp với tình hình của đất nước cũng như Thế giới không nằm ngoài nhiệm vụ đó. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về Chiến lược Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Chiến lược Cải cách tư pháp đã được thể hiện rõ trong Nghị quyết 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị: "xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch..., xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân...; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế..."; "Cải cách tư pháp phải kế thừa truyền thống pháp lý dân tộc, những thành tựu đã đạt được của nền tư pháp XHCN Việt Nam; tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh nước ta và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội trong tương lai". Xuất phát từ quan điểm đúng đắn này của Đảng và Nhà nước, trong phạm vi luận văn này tôi muốn chỉ ra một số bất cập, hạn chế trong các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các yếu tố thuộc mặt chủ quan của tội phạm với tư cách là một yếu tố cấu thành tội phạm, trên cơ sở đó đưa ra những đề xuất thiết thực nhằm hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về mặt chủ quan của tội phạm. Luận văn đưa ra các khái niệm cấu thành tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm; khái niệm lỗi, động cơ và mục đích phạm tội; vị trí, vai

trò, ý nghĩa của mặt chủ quan trong 4 yếu tố cấu thành tội phạm, trong việc định tội danh cũng như trong việc phân biệt tội phạm với vi phạm pháp luật khác. Làm rõ thực tiễn áp dụng các quy định về lỗi, động cơ và mục đích phạm tội; đặc biệt là chỉ ra được những bất cập, hạn chế, thiếu sót trong các quy định về mặt chủ quan của tội phạm - nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hiểu sai, hiểu không thống nhất về lỗi, động cơ và mục đích phạm tội; áp dụng sai hoặc không thống nhất tội danh; bỏ lọt tội phạm hoặc xử oan người vô tội... Đưa ra được những giải pháp sát đúng, khả thi nhằm hoàn thiện các quy định về mặt chủ quan của tội phạm, mà cụ thể là các quy định về lỗi, động cơ và mục đích phạm tội.

